

NGHIÊN CỨU VỀ CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI

BÙI XUÂN ĐÌNH

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường gồm bốn tộc người: Kinh (Việt)¹, Mường, Thổ và Chứt. Theo *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, bốn tộc người này có 74.943.832 người (chiếm 87,30% trong 54 tộc người ở Việt Nam); trong đó, tộc người Kinh (Việt) có 73.594.341 người, chiếm hơn 85,7% dân số cả nước, 98,20% trong nhóm ngôn ngữ Việt - Mường; Mường có 1.268.963 người (với tỷ lệ tương tự là 1,48% và 1,69%); Thổ có 74.458 người (0,1% và 0,08%); Chứt có 6.022 người (0,01% và 0,007%).

Các công trình nghiên cứu công bố đã khẳng định tính tương đồng của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, trước hết về phương diện ngôn ngữ. Dựa vào phương pháp so sánh ngôn ngữ lịch sử, các nhà ngôn ngữ học Việt Nam và nước ngoài đã chứng minh các tiếng Việt, Mường, Thổ, Chứt có sự giống nhau rất đậm đặc về âm, thanh điệu và vốn từ vị cơ bản. Đây là lý do để các nhà ngôn ngữ xếp các tiếng này vào một nhóm ngôn ngữ chung trong Ngữ hệ Nam Á [Nguyễn Hữu Hoàn (Chủ biên), 2013, tr. 92].

¹ Trong nghiên cứu này, tộc danh Kinh (Việt) còn được viết là Việt.

Các phát hiện khảo cổ học liên tục trong hơn nửa thế kỷ qua cùng các kết quả nghiên cứu về ngôn ngữ học, sử học và dân tộc học đã khẳng định, các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường là cư dân sinh sống từ rất lâu đời trên mảnh đất Việt Nam; hợp thành khối Lạc Việt và là bộ phận chủ đạo của Quốc gia Văn Lang - Âu Lạc (Nguyễn Từ Chi, 2003; Cung Đình Thanh, 2003). Từ những tương đồng về ngôn ngữ và nhiều khía cạnh văn hóa khác, các nghiên cứu cũng khẳng định, Việt, Mường, Thổ, Chứt vốn từ một khối tách ra, về sau do những biến động của lịch sử, phải thay đổi môi trường sống, dẫn đến những biến đổi và khác biệt về văn hóa, tạo thành các tộc người như ngày nay (Bùi Xuân Đình, 2013).

Điểm nổi bật về phân bố dân cư - dân tộc của các tộc người thuộc ngôn ngữ Việt - Mường là sinh sống khá tập trung. Trừ người Chứt sống rải rác trong các bản làng (vùng sâu, vùng xa miền núi tỉnh Quảng Bình và một phần tỉnh Hà Tĩnh), còn các tộc người Việt, Mường, Thổ đều tụ cư thành các cộng đồng đồng đúc ở những địa bàn thuận lợi. Người Việt cư trú trên tất cả 63 tỉnh thành, thuộc mọi địa bàn trong cả nước, song tập trung ở vùng đồng bằng và trung du. Người Mường sinh sống chủ yếu trong các thung

lũng chân núi của các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa, Sơn La, thành phố Hà Nội; ngoài ra, còn có một bộ phận cư trú rải rác ở một số tỉnh thuộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Người Thổ chủ yếu sinh sống ở vùng miền núi và trung du hai tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa.

Có thể nói, các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường có dân số đông nhất, cư trú tại tất cả các địa bàn, địa hình chiến lược ở tất cả các tỉnh trong cả nước; trong đó, người Việt với vị trí là tộc người đa số, tạo ra nguồn lực kinh tế lớn nhất, các ngành kinh tế trọng yếu nhất của quốc gia Việt Nam. Các tộc người đều là các cư dân tại chỗ, có bề dày về lịch sử văn hóa. Đó là điểm tựa và là sức mạnh tinh thần để các tộc người vững bước trên con đường phát triển. Tuy nhiên, các tộc người cũng đang đứng trước những khó khăn và thách thức rất lớn. Về kinh tế, tuy có những thay đổi tích cực, song trừ người Việt, tiềm lực kinh tế của các tộc người trong nhóm vẫn còn thấp, chưa đủ mạnh để tạo cơ sở cho sự phát triển về xã hội và văn hóa. Còn có sự phát triển không đều giữa các tộc người và giữa các nhóm trong cùng tộc người. Trong khi người Việt có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao thì người Chứt mới thoát khỏi cuộc sống du canh du cư gần đây, nhóm Tày Poọng và Đan Lai ở người Thổ còn chưa bảo đảm an ninh lương thực với kinh tế nương rẫy. Sự chênh lệch giữa các nhóm có thể thấy điển hình ở người Thổ: trong khi các nhóm vùng thấp đã tiến một bước dài trong quá trình chuyển từ nền nông nghiệp nương rẫy sang một nền nông nghiệp chuyên canh (trồng cây công nghiệp) thì các nhóm vùng cao (Tày Poọng và Đan Lai) vẫn gặp rất nhiều khó khăn với kinh tế nương rẫy. Ở người Việt, sự phát triển không đều thể hiện giữa các miền (Bắc, Trung, Nam), giữa

nông thôn và đô thị, giữa các vùng miền núi và đồng bằng... Khoảng cách chênh lệch này đang có xu hướng gia tăng cùng với gia tăng sự bất bình đẳng giữa các giai tầng xã hội, tiềm ẩn những mâu thuẫn và sự không đồng thuận xã hội. Về văn hóa, văn hóa các tộc người trong nhóm đang đứng trước các tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng nền văn hóa quốc gia đa tộc người ở nước ta. Điều này đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết trong nghiên cứu về các tộc người trong nhóm.

Phòng Nghiên cứu các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Viện Dân tộc học có chức năng cơ bản là nghiên cứu lý luận và thực tiễn; nghiên cứu toàn diện, cơ bản và nghiên cứu phát triển về các tộc người và nhóm xã hội của các tộc thuộc ngôn ngữ này. Trong mấy chục năm qua, cùng với ngành Dân tộc học trong cả nước, Phòng đã thực hiện nhiều nghiên cứu theo một số hướng trọng điểm, nhưng do hạn chế về nguồn nhân lực và tài chính, nhiều chủ đề và địa bàn nghiên cứu về các nhóm tộc người này vẫn còn bị bỏ ngỏ. Trong bài viết này, chúng tôi điểm lại tình hình nghiên cứu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường được thực hiện theo cả hướng tiếp cận dân tộc học, nhân học và các ngành khoa học xã hội khác từ năm 1986 cho đến nay, từ đó xem xét các vấn đề đang được đặt ra và đề ra những hướng nghiên cứu cần triển khai trong thời gian tới.

1. Tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra trong nghiên cứu các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường

Đến nay, đã có một lượng lớn các công trình nghiên cứu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường được công bố, gồm các cuốn sách (sách chuyên khảo, giản

chí dân tộc học, sách địa chí ở các địa phương), đề tài khoa học các cấp, các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các bài tạp chí... Phần lớn các công trình này được công bố từ năm 1986 trở đi, khi đất nước thực hiện công cuộc Đổi mới, cuộc sống của các tộc người từng bước thay đổi tích cực; điều kiện để nghiên cứu các khía cạnh đời sống của các tộc người có những thuận lợi hơn trước.

Điểm nổi bật đầu tiên có thể rút ra từ các công trình này là *việc nghiên cứu tập trung vào người Việt* (639 đầu đầu mục² - thống kê sơ bộ từ Thư viện Viện Dân tộc học và một số thư viện lớn ở Hà Nội), trong khi số đầu mục ở người Mường là 145, người Thổ chỉ có 42 và người Chứt có 81. Tình hình này do nhiều nguyên nhân. Trước hết, người Việt là tộc người có số dân đông nhất ở Việt Nam, sinh sống trải dài từ Bắc vào Nam, giữ vai trò chủ đạo trong công cuộc dựng nước và giữ nước trên tất cả các mặt, tạo lập được nền văn hóa rất phong phú, là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn. Đặc thù này kết hợp với địa bàn cư trú của người Việt chủ yếu ở vùng đồng bằng, đi lại, sinh hoạt thuận tiện, ở các thành phố lớn có các trường đại học, viện nghiên cứu chuyên ngành, tập trung một lượng lớn đội ngũ cán bộ khoa học (cùng cán bộ nghiên cứu của các Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch), nên có điều kiện để đi sâu nghiên cứu về người Việt. Trong khi đó, các tộc Chứt, Thổ sống ở

các địa bàn xa, đội ngũ các nhà khoa học tại chỗ (cấp tỉnh) còn mỏng, ít nhiều phụ thuộc vào đội ngũ cán bộ ở Trung ương hoặc các trường đại học kề cận, nên không thể thường xuyên triển khai nghiên cứu. Ngay cả ở người Việt, do đội ngũ cán bộ khoa học mỏng hoặc phân tán, hay vì những lý do khách quan nên sự chênh lệch về kết quả nghiên cứu cũng bộc lộ rõ nét ở các vùng miền.

Điểm nổi bật thứ hai là *có sự chênh lệch về số lượng công trình giữa các vùng miền và các địa phương*. Điển hình là ở người Việt. Trong 415 công trình về các địa phương, khu vực miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn (301 công trình), tiếp đến là miền Trung (53), miền Nam (51) và nước ngoài (10). Ở người Mường, các nghiên cứu chủ yếu viết về vùng Hòa Bình, một số ít ở Thanh Hóa, Phú Thọ, trong khi người Mường ở các tỉnh Sơn La, Yên Bái hầu như không có mấy công trình nghiên cứu. Ở người Thổ cũng có tình hình tương tự, các nghiên cứu đều lấy tỉnh Nghệ An làm địa bàn chính, còn nhóm ở Thanh Hóa ít được quan tâm.

Điểm nổi bật thứ ba là *có sự chênh lệch lớn về số lượng các công trình đối với các khía cạnh được nghiên cứu*: nhìn chung tập trung vào các vấn đề về văn hóa (các phong tục, tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, các loại hình văn học, nghệ thuật dân gian). Có thể thấy rõ điều này ở người Việt: có đến 284 công trình về tín ngưỡng, lễ hội, nghệ thuật; 127 công trình về làng xã và phong tục, 75 công trình về văn hóa vật chất và văn hóa xã hội. Ở người Mường, các vấn đề văn hóa - xã hội nói chung chiếm đến 72/182 công trình (Nguyễn Ngọc Thanh, 2013). Ở người Thổ và người Chứt, các công trình chỉ

² Có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến người Việt, song ở đây, chúng tôi chỉ thống kê những công trình được tiếp cận dưới góc độ dân tộc học và một số ngành khoa học có liên quan, như Sử học, Văn hóa học, Văn hóa dân gian... Việc thống kê bước đầu những công trình nghiên cứu về các dân tộc Mường, Thổ, Chứt cũng được thực hiện như trên.

tập trung vào các vấn đề nguồn gốc và quá trình tộc người.

Trong khi đó, nhiều vấn đề quan trọng khác của đời sống tộc người chưa được quan tâm nghiên cứu, như về kinh tế (ở người Việt chỉ có 9 công trình, người Mường 10 công trình). Các vấn đề về người Việt ven biển và hải đảo, người Việt ở miền núi, con người truyền thống (những đức tính tốt đẹp và truyền thống tích cực, những mặt hạn chế) chỉ mới bước đầu được nghiên cứu; đặc biệt vấn đề người Việt ở nước ngoài mới chỉ có ít công trình. Ở người Thổ, hầu như thiếu vắng các nghiên cứu về cơ cấu tổ chức xã hội và quan hệ xã hội.

Đặc điểm thứ tư là *các vấn đề về biến đổi của truyền thống, cũng như các vấn đề của xã hội đương đại - sự tác động của công nghiệp hóa và hiện đại hóa đối với đời sống, vấn đề đô thị hóa còn ít được nghiên cứu*. Liên quan đến vấn đề này, thống kê bước đầu cho thấy, chỉ có 16 công trình đề cập đến một số khía cạnh ở một vài địa phương, chưa có những nghiên cứu tổng thể, trên diện rộng.

Điểm thứ năm là, chưa có nhiều *các công trình chuyên sâu về từng tộc người nhìn từ toàn cục lãnh thổ Việt Nam*.

Người Việt, tộc người duy nhất cư trú thành các cộng đồng đông đúc tại tất cả các tỉnh, các vùng miền, các dạng địa hình trong cả nước; song đến trước năm 2015, mới chỉ có công trình nghiên cứu ở một số vùng nhất định. Tại đồng bằng Bắc Bộ, đề tài cấp Bộ do Diệp Đình Hoa chủ biên, giới thiệu tương đối tổng thể về người Việt ở địa bàn được coi là “đất phát tích” của tộc người này (Diệp Đình Hoa, chủ biên, 1996). Nghiên

cứu về người Việt tại vùng Nam Bộ, có tác phẩm của Phan An, song cuốn sách này chỉ tập hợp những bài viết có liên quan (Phan An, 2012). Vẫn tại vùng Nam Bộ, có thể xem cuốn sách “*Văn hóa Việt vùng Tây Nam Bộ*” (Trần Ngọc Thêm, 2013) là công trình khảo cứu tổng thể về văn hóa. Nhìn chung, với vùng Bắc Bộ và Nam Bộ, nơi người Việt tụ cư đông đảo nhất, có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập, song chủ yếu vẫn là những khảo cứu về các khía cạnh khác nhau của đời sống, hoặc về người Việt ở từng tỉnh.

Tại Trung Bộ, tình hình nghiên cứu về người Việt cũng trong tình trạng tương tự - mới chỉ có một cuốn giới thiệu người Việt ở tỉnh Quảng Nam (Hồ Trọng Tú, 2011), còn ở các tỉnh khác, chỉ có các nghiên cứu về từng lĩnh vực và đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu mang tính tổng thể về người Việt ở miền Trung.

Đối với người Việt ở miền núi, ngoài công trình “*Vai trò của người Việt trong sự phát triển bền vững vùng Đông Bắc Việt Nam*” do Bùi Xuân Đính chủ biên [Bùi Xuân Đính (Chủ biên), 2009], còn vấn đề người Việt ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Thanh - Nghệ vẫn chưa được đầu tư nghiên cứu chuyên sâu.

Đối với cư dân người Việt ở ven biển và hải đảo, các nghiên cứu về chủ đề này cho đến nay bước đầu phác họa được bức tranh cơ bản về đời sống của ngư dân nhưng chủ yếu đề cập tới các vấn đề truyền thống như các phương thức mưu sinh, cơ cấu tổ chức và thiết chế xã hội, đời sống văn hóa, tôn giáo - tín ngưỡng dân gian, những kiêng kỵ trong quá trình đánh bắt hải sản. Có rất ít công trình nghiên cứu các vấn đề đương đại

về cộng đồng người Việt này. Các nghiên cứu cũng chủ yếu đề cập tới khối ngư dân mưu sinh ven bờ (trong lòng); trong khi khối ngư dân mưu sinh ở khơi (xa bờ) đem lại giá trị kinh tế lớn nhất trong khai thác hải sản và khẳng định chủ quyền lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc đến nay dường như mới chỉ có một hai công trình. Hơn nữa, các nghiên cứu tập trung ở miền Bắc, trong khi vùng biển Trung, Nam Trung Bộ, Nam Bộ, có các khía cạnh về biển đậm nét hơn lại chưa có nhiều công trình tương xứng.

Năm 2015, Viện Dân tộc học công bố Tập I của bộ sách *Các dân tộc ở Việt Nam* (Vương Xuân Tình chủ biên) giới thiệu bốn tộc người thuộc ngôn ngữ Việt - Mường; trong đó có phần viết của Bùi Xuân Đính về người Việt, với 314 trang (trên tổng số 762 trang của Tập I). Đây là lần đầu tiên, người Việt được trình bày một cách có hệ thống trên phạm vi cả nước, từ môi trường cư trú, lịch sử tộc người và quá trình chuyển cư, phân bố dân cư, cơ sở kinh tế, các khía cạnh xã hội và văn hóa, biến đổi của các yếu tố truyền thống từ khi đất nước thực hiện công cuộc Đổi mới. Hơn 300 trang viết còn làm sáng tỏ tính thích nghi, thích ứng, tính sáng tạo văn hóa của người Việt tại các môi trường sống khác nhau, từ “nguyên bản” ở trung du và châu thổ Bắc Bộ, chuyển đến sinh sống tại các môi trường khác (ven biển Trung và Nam Trung Bộ, đồng bằng Nam Bộ; các vùng miền núi ở Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên). Phần viết cũng chỉ ra người Việt giữ vai trò là lực đẩy và lực kéo trong sự phát triển của các vùng miền núi; là trụ cột của sự phát triển của quốc gia đa tộc người Việt Nam (Viện Dân tộc học, 2015).

Ở người Mường, các công trình tập trung nghiên cứu hầu hết các vấn đề trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội Mường; trong đó, vấn đề được quan tâm nhiều nhất là văn hóa dân gian truyền thống bao gồm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần (nghệ thức đời người, tôn giáo tín ngưỡng, lễ hội) và văn học nghệ thuật. Đây là những đặc điểm nổi bật làm nên đặc trưng văn hóa Mường. Các công trình nghiên cứu tuy có đề cập đến sự biến đổi kinh tế - xã hội - văn hóa trong bối cảnh hiện nay nhưng chưa thực sự chuyên sâu, chưa đưa ra được những giải pháp kiến nghị để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người.

Hơn nữa, các cuốn sách quan trọng về người Mường của J. Cuisinier (1995), Bùi Văn Kín (1975), Nguyễn Từ Chi (1995), Nguyễn Ngọc Thanh (2005), Nguyễn Ngọc Thanh và Nguyễn Thị Thanh Nga (2005)... chỉ tập trung nghiên cứu tộc người này ở tỉnh Hòa Bình, còn ở các tỉnh khác có người Mường, như Thanh Hóa, Phú Thọ, Sơn La..., mới chỉ có các khảo cứu theo một số vấn đề. Có thể nói, từ năm 1986 đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu tổng thể về người Mường ở Việt Nam - không chỉ ở các tỉnh miền núi phía Bắc, mà còn ở một số tỉnh phía Nam. Bài viết của Nguyễn Ngọc Thanh trong cuốn *Các dân tộc ở Việt Nam* tổng quan các công trình đã viết về tộc người này chủ yếu từ năm 1986 đến nay và trình bày sự phát triển, biến đổi của người Mường qua tổng quan tài liệu (Nguyễn Ngọc Thanh, 2015, tr. 401-474).

Với người Thổ, các công trình chủ yếu tập trung lý giải nguồn gốc tộc người, ngôn ngữ, các nhóm địa phương và phân bố dân cư, gắn với một số dòng họ của các nhóm.

Đến nay, vẫn chưa có nghiên cứu nào giới thiệu về tổ chức xã hội của người Thổ dưới góc độ truyền thống hay hiện tại, đây là vấn đề lý thú trong đời sống của tộc người cần được đi sâu nghiên cứu. Hai tập sách của Lê Mai Oanh tập trung nghiên cứu về người Thổ ở tỉnh Nghệ An, không nghiên cứu về tộc người này ở tỉnh Thanh Hóa (Lê Mai Oanh, 2010; 2011). Đến năm 2015, lần đầu tiên, người Thổ được trình bày có hệ thống qua bài viết của nhóm tác giả Bùi Xuân Đính, Tạ Thị Tâm, Bùi Minh Thuận in trong cuốn *Các dân tộc ở Việt Nam* nêu trên. Không chỉ nghiên cứu truyền thống, bài viết còn đi sâu đề cập đến những biến đổi về kinh tế - xã hội - văn hóa của tộc người từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới (Bùi Xuân Đính, Tạ Thị Tâm, Bùi Minh Thuận, 2015, tr. 475-610).

Ở người Chứt, ngoài cuốn “*Người Rục ở Việt Nam*”, có thể coi cuốn “*Người Chứt ở Việt Nam*” là một nghiên cứu tổng thể về các nhóm người Chứt, song địa bàn nghiên cứu là tỉnh Quảng Bình (Võ Xuân Trang, 1998; Nguyễn Văn Mạnh, 1996). Các nghiên cứu cho đến nay chủ yếu đề cập đến văn hóa truyền thống của các nhóm. Một số nghiên cứu theo hướng phát triển con người gần đây lại chỉ quan tâm đến dân số và các chỉ số phát triển con người (Trịnh Thị Kim Ngọc, 2015). Đến năm 2015, bài viết của Trần Thị Hồng Yến và Nguyễn Văn Mạnh về người Chứt đăng trong cuốn *Các dân tộc ở Việt Nam* (đã dẫn), tuy chỉ dựa trên tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố nhưng có thể coi là một tổng kết xác thực các khía cạnh cơ bản của tộc người này, từ dân cư, lịch sử tộc người, tộc danh, hoạt động kinh tế, đời sống xã hội và văn hóa, xu hướng

biến đổi và những vấn đề đặt ra trong phát triển của tộc người (Trần Thị Hồng Yến, Nguyễn Văn Mạnh, 2015, tr. 611-715).

Tuy nhiên, do chưa có nhiều công trình nghiên cứu tổng thể và chuyên sâu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường ở các vùng miền, cũng như trên toàn cõi Việt Nam nên đến nay, *chưa tổng kết thỏa đáng các vấn đề lớn đã được nghiên cứu tương đối nhiều* (làng xã, ẩm thực, tín ngưỡng, hội hè...) ở từng vùng miền, cũng như trên phạm vi cả nước để rút ra các vấn đề lý luận và thực tiễn nghiên cứu.

Cuối cùng, trong các công trình đã nêu, khía cạnh dân tộc học được chú trọng, song nặng về khảo tả; và đến nay còn thiếu các công trình vừa có nguồn tư liệu phong phú, vừa mang tính lý luận cao.

2. Hướng nghiên cứu về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường trong thời gian tới

Với vị trí của người Việt là tộc người đa số trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam, có số dân lớn nhất trong các nhóm ngôn ngữ và cư trú ở tất cả các địa bàn chiến lược của cả nước, việc nghiên cứu về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, cả nghiên cứu cơ bản và phát triển, luôn mang tính cấp thiết và thời sự. Tuy nhiên, từ thực tiễn đang đặt ra trong biến đổi kinh tế, văn hoá - xã hội và những mảng trống còn bỏ ngỏ trong nghiên cứu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, chúng tôi cho rằng, trong thời gian tới, ngành Dân tộc học, trong đó có Phòng Nghiên cứu các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường (Viện Dân tộc học) cần tập trung vào một số hướng nghiên cứu sau:

Đối với người Việt, trong thời gian trước mắt, cần tập trung nghiên cứu hai vấn đề quan trọng hiện nay là:

1. *Cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo*: Các nghiên cứu tới cần tập trung làm rõ các phương thức, truyền thống khai thác, nuôi trồng hải sản của các cộng đồng ngư dân, chú trọng đến các nhóm có truyền thống đánh bắt xa bờ; thực trạng đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của ngư dân, các giá trị văn hóa truyền thống cũng như những nhân tố cản trở sự phát triển; những khó khăn và thách thức đối với sự phát triển của các cộng đồng ngư dân hiện nay; vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa để phục vụ phát triển. Đi sâu nghiên cứu các vấn đề trên về phương diện khoa học, tạo tiền đề cho việc hình thành *Nhân học biển Việt Nam* (lý thuyết và thực tế nghiên cứu). Về mặt thực tiễn, tạo cơ sở khoa học cho việc đề ra các chính sách, các giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững cho các cộng đồng ngư dân, góp phần vào việc bảo vệ vững chắc vùng biển và hải đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

2. Trong bối cảnh quá trình đô thị hóa đang diễn ra sôi động ở khắp các vùng miền của đất nước, các nghiên cứu của Phòng cần tập trung tìm hiểu thực trạng đô thị hóa ở cả các thành phố và vùng nông thôn; tác động của quá trình đô thị hóa, thu hồi đất nông nghiệp cho mở rộng đô thị và khu công nghiệp đối với đời sống kinh tế - xã hội của nông dân; thách thức trong chuyển đổi sinh kế của các hộ nông dân mất đất; biến đổi văn hóa - xã hội ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa. Ngoài ra, hướng Nhân học đô thị cần quan tâm nghiên cứu đời sống của cư dân đô

thị; cấu trúc xã hội, tổ chức xã hội ở các nhóm cư dân đô thị; mâu thuẫn, bất cập trong đời sống của cư dân ở các khu đô thị mới...

3. Ngoài hai chủ đề ưu tiên trên, cần tiếp tục triển khai nghiên cứu một số chủ đề khác:

Chủ đề *Người Việt ở miền núi*, trong đó tập trung triển khai nghiên cứu quan hệ xã hội của người Việt với các tộc người thiểu số và các quan hệ xuyên biên giới ở một số chợ cửa khẩu biên giới vùng Đông Bắc; vai trò của người Việt trong mối quan hệ với các tộc người thiểu số ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Thanh - Nghệ.

Chủ đề *Người Việt ở đồng bằng*: nghiên cứu về làng Việt ở miền Trung Việt Nam; so sánh cấu trúc, tổ chức xã hội của mô hình làng khu vực này với làng Việt Bắc Bộ; tìm hiểu xu hướng biến đổi trong đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội ở khu vực này.

Chủ đề *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng của người Việt* ở cả khu vực nông thôn và đô thị, nghiên cứu thực trạng đời sống tín ngưỡng và tôn giáo của các giai tầng xã hội, ảnh hưởng của các tôn giáo với đời sống xã hội.

Đối với người Mường, tập trung nghiên cứu về biến đổi đời sống văn hóa - xã hội của tộc người này, đặc biệt là những biến đổi trong quan hệ xã hội nội tộc người và với các tộc người cận cư; biến đổi trong đời sống tín ngưỡng. Ngoài ra, những biến đổi và sự chênh lệch phát triển giữa các nhóm, đời sống của người Mường ở các tỉnh phía Nam cũng cần được chú trọng.

Đối với người Thổ, đi sâu tìm hiểu tổ chức xã hội; những vấn đề về biến đổi văn hóa - xã hội và sự chênh lệch phát triển giữa

các nhóm của tộc người này ở cả tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa.

Đối với người Chứt, tập trung nghiên cứu biến đổi kinh tế, văn hóa - xã hội; ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống đến phát triển của từng nhóm.

Kết luận

Là nhóm ngôn ngữ có dân số lớn nhất trong các nhóm ngôn ngữ tộc người ở nước ta, trong đó người Việt đóng vai trò là dân tộc đa số, các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường từ trước đến nay đã thu hút được một số lượng lớn các nghiên cứu từ cả Dân tộc học và các ngành khoa học xã hội khác. Tuy nhiên, các nghiên cứu cho đến nay còn nặng về khảo tả. Ở người Việt, còn thiếu các công trình vừa phong phú về tư liệu thực tế, vừa mang tính lý luận cao. Còn ở người Mường, Thô, Chứt, vẫn còn ít các nghiên cứu phản ánh quá trình, xu hướng biến đổi kinh tế - xã hội của các tộc người này.

Trong bối cảnh ngành Dân tộc học Việt Nam đang đẩy mạnh nghiên cứu về tộc người, Phòng Nghiên cứu các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Viện Dân tộc học xác định nhiệm vụ nghiên cứu trọng tâm trong thời gian tới là tập trung nghiên cứu cộng đồng người Việt ở ven biển và hải đảo, vấn đề đô thị hóa ở các vùng miền của đất nước và nghiên cứu biến đổi kinh tế - xã hội ở các dân tộc ít người trong nhóm. Phòng cũng sẽ triển khai hướng nghiên cứu về làng Việt ở miền Trung, vai trò của người Việt ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Tây Thanh - Nghệ và đời sống tôn giáo tín ngưỡng của người Việt ở cả khu vực thành thị và nông thôn. Trên cơ sở đó, cung cấp

các luận cứ khoa học và đề xuất quan điểm, giải pháp cho phát triển bền vững các tộc người trong nhóm trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Phan An (2012), *Người Việt Nam Bộ*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
2. Nguyễn Từ Chi (1995), *Người Mường ở Hòa Bình*, Hội Sử học Việt Nam & Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa & tộc người*, Nxb Văn hóa dân tộc, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, Hà Nội.
4. Cuisinier, J. (1995), *Người Mường*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Đính (Chủ biên) (2009), *Vai trò của người Việt trong sự phát triển bền vững vùng Đông Bắc Việt Nam*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
6. Bùi Xuân Đính (2013), *Người Thô*, Báo cáo đề tài cấp Cơ sở, Thư viện Viện Dân tộc học.
7. Diệp Đình Hoa (Chủ biên) (1996), *Người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, lưu tại Viện Dân tộc học.
8. Nguyễn Hữu Hoàn (Chủ biên) (2013), *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (những vấn đề chung)*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
9. Bùi Văn Kín (Chủ biên) (1975), *Góp phần tìm hiểu Hòa Bình*, Ty Văn hóa Hòa Bình xuất bản.

10. Nguyễn Văn Mạnh (1996), *Người Chứt ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
11. Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Ngọc Thanh (2003), *Người Mường ở Tân Lạc tỉnh Hòa Bình*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
12. Trịnh Thị Kim Ngọc (2015), *Nghiên cứu cơ hội và năng lực tiếp cận mục tiêu phát triển con người của dân tộc Chứt ở Việt Nam*, Báo cáo đề tài thuộc Quỹ Khoa học công nghệ quốc gia.
13. Lê Mai Oanh (2010), *Văn hóa vật chất người Thổ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
14. Lê Mai Oanh (2011), *Văn hóa dân gian người Thổ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
15. Cung Đình Thanh (2003), *Tìm về nguồn gốc văn minh Việt Nam dưới ánh sáng mới của khoa học*, Nxb Tư tưởng và Tập san Tư tưởng, Sydney.
16. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Thanh (2015), “Dân tộc Mường”, trong: Viện Dân tộc học, Vương Xuân Tình (Chủ biên), *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập I, Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Trần Ngọc Thêm (Chủ biên) (2013), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Hồ Trọng Tú (2011), *Có 500 năm như thế: Bản sắc Quảng Nam từ góc nhìn lịch sử*, Nxb Thời đại và Công ty sách Phương Nam.
20. Viện Dân tộc học, Vương Xuân Tình (Chủ biên) (2015), *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập I, Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Võ Xuân Trang (1998), *Người Rục ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
22. Trần Thị Hồng Yến, Nguyễn Văn Mạnh (2015), “Dân tộc Chứt”, trong: Viện Dân tộc học, Vương Xuân Tình (Chủ biên), *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập I, Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.